

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-PT

Ngày 02 - 01 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết và bà Nguyễn Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 453/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 196/2023/DSST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 417/2023/QĐ-PT, ngày 30/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số E đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số A đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Ánh T, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số C đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Hằng N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số B Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Ngô Thị Ánh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:**

Ông Nguyễn Phi H (nguyên đơn) và bà Ngô Thị Ánh T (bị đơn) không có quan hệ quen biết, nguyên đơn là bạn bè thân thiết với vợ chồng ông Trần Tuấn Đ và Nguyễn Minh T1 là con của bị đơn. Vì vậy, ngày 12/11/2022 bị đơn hỏi vay của nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng để sử dụng vào việc gia đình, thời hạn

vay là 30 ngày, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, khi vay không giao tài sản làm tin. Đến hạn nguyên đơn đã nhiều lần đòi nợ nhưng bị đơn cố tình không trả nợ theo đúng cam kết. Qua tìm hiểu thì nguyên đơn được biết, hiện vợ chồng ông Đ, bà T1 đã xuất cảnh sang nước ngoài nên bị đơn cũng thoái thác trách nhiệm không chịu trả nợ.

Từ thời điểm vay tiền đến nay bị đơn chưa trả bất kỳ khoản tiền gốc hay tiền lãi nào. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và lãi suất phát sinh, kể từ ngày 12/11/2022 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với chứng cứ khởi kiện là hợp đồng cho vay tiền, mẫu là của nguyên đơn, chữ viết trong hợp đồng của nguyên đơn còn số tiền và chữ ký người vay là của bị đơn; đối với người khởi kiện chỉ khởi kiện một mình bị đơn chứ không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình bị đơn.

Đối với kết quả giám định nguyên đơn không có ý kiến gì, về chi phí giám định đề nghị bị đơn phải nộp.

*** Theo bản tự khai của bị đơn; trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa như sau:**

Nguyên đơn, bị đơn không có quan hệ quen biết. Đối với chứng cứ nguyên đơn khởi kiện bị đơn đã xem và xác nhận chữ viết trong hợp đồng vay tiền ngày 12/11/2022 không phải do bà viết, nhưng chữ ký dưới mục đại diện bên B ký và ghi tên Ngô Thị Anh T là chữ của bị đơn, còn mục đại diện bên A ghi tên ông H, bà không biết ông H là ai.

Đối với nội dung đã nhận đủ tiền bị đơn không biết ai viết vì bị đơn không nhận tiền. Lý do bị đơn ký hợp đồng nêu trên vì vào khoảng ngày 01/11/2022 con bị đơn là Đ và T1 nói bị đơn đến Ngân hàng để xem và ký thủ tục bảo lãnh; khi vào Ngân hàng có một người phụ nữ (không xác định được là ai) đưa giấy cho bị đơn ký, khi đó bà T1 có đứng bên cạnh nói bị đơn ký nên bị đơn tin tưởng không đọc nội dung và đã ký; nay bị đơn không biết đó có phải là hợp đồng cho vay tiền nguyên đơn đang khởi kiện đây không. Đối với chứng cứ nguyên đơn khởi kiện bị đơn không đồng ý, vì bị đơn không vay, không nhận nên không có nghĩa vụ trả.

Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy báo của Tòa án bị đơn chưa có mặt theo đúng thời gian vì bị đơn phải liên hệ với bà T1 và ông Đ để hỏi về nội dung nguyên đơn khởi kiện nhưng không liên lạc được. Hiện nay bà T1 và ông Đ đã định cư ở nước ngoài nhưng không biết nước nào và địa chỉ cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được.

Đối với kết luận giám định chữ ký, chữ viết bị đơn không có ý kiến gì; về chi phí tố tụng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 196/2023/DSST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phi H.

Buộc bị đơn bà Ngô Thị Ánh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Phi H số tiền 1.500.000.000 đồng tiền gốc và 228.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là: 1.728.000.000 đồng (*Một tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu đồng*).

Ngoài ra Bản án còn tuyên về lãi suất khi THA, về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 26/9/2023, bị đơn bà Ngô Thị Ánh T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Ánh T; Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 196/2023/DSST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, bị đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Ánh T cho rằng bà không biết hợp đồng vay tiền ngày 12/11/2022 của nguyên đơn, không có việc vay mượn và nhận tiền, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, tại kết luận giám định số 813/KL-KTHS ngày 07/7/2023 của phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết Ngô Thị Ánh T dưới mục “Đại diện bên A” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký chữ viết Ngô Thị Ánh T dưới mục “bên ủy quyền” trên mẫu tài liệu so sánh ký hiệu M1 do cùng một người ký, viết ra. Bị đơn là người khỏe mạnh, minh mẫn, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo pháp luật, hợp đồng vay tiền giữa các bên lập ngày 12/11/2022 về hình thức nội dung hợp đồng không bị chỉnh sửa, tẩy xóa có chữ ký của bị đơn được bị đơn thừa nhận, tại cấp phúc thẩm bị đơn cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho kháng cáo của mình. Vì vậy, Bản án sơ thẩm xác định hợp đồng vay tiền ngày 12/11/2022 được xác lập giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng tiền

gốc và tiền lãi suất 228.000.000 đồng là có căn cứ, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị Ánh T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Ánh T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 196/2023/DSST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phi H.

Buộc bị đơn bà Ngô Thị Ánh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Phi H số tiền 1.500.000.000 đồng tiền gốc và 228.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là: 1.728.000.000 đồng (*Một tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Thị Ánh T phải chịu 6.300.000 đồng chi phí giám định chữ ký chữ viết, đã chi phí xong. Ông Nguyễn Phi H được nhận lại sau khi thu được của bà T.

3. Về án phí.

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Ngô Thị Ánh T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Phi H số tiền 28.950.000 đồng do ông Nguyễn Đức D nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000205 ngày 14/02/2023.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị Ánh T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Thông Kbuôr